

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

=====

PATTHIDA BUNCHAVALIT

**BIẾN THỂ THANH ĐIỆU TIẾNG VIỆT
QUA CÁC THỂ HỆ VIỆT KIỀU
Ở TỈNH NAKHON PHANOM, THÁI LAN**

Chuyên ngành: NGÔN NGỮ VIỆT NAM

Mã số: 62 22 01 02

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGÔN NGỮ HỌC

Hà Nội - 2020

Công trình được hoàn thành tại: Trường Đại học Khoa học Xã hội
và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học:

1. PGS.TS. Vũ Kim Bảng

2. TS Nguyễn Ngọc Bình

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp Đại học Quốc gia chấm
luận án tiến sĩ họp tại

.....
vào hồi giờ ngày tháng năm

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam

- Trung tâm Thông tin -Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Với địa lý là tỉnh biên giới thuộc miền Đông Bắc của Thái Lan và nằm ở bờ sông Mê Kông đối diện với huyện Thakhek, tỉnh Khammuane của Lào, Nakhon Phanom là một tỉnh có nhiều mối liên quan đến lịch sử Việt Nam. Trong quá trình ra đi tìm đường cứu nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có một khoảng thời gian hoạt động tại tỉnh Nakhon Phanom khoảng năm 1928 đến 1929 và hiện nay khu vực này là nơi có đông VK sinh sống nhất tại Thái Lan. VK vẫn sử dụng tiếng Việt để giao tiếp trong gia đình và cộng đồng VK với nhau, tuy nhiên đặc trưng ngôn ngữ hiện nay của VK ở khu vực này rất khác biệt so với tiếng Việt gốc. Đặc trưng tiếng Việt của VK ở đây, về mặt ngôn ngữ học xã hội được gọi là biến thể ngôn ngữ chịu ảnh hưởng do sự tiếp xúc từ các tiếng địa phương trong cộng đồng ngôn ngữ như tiếng Thái, tiếng Isan và tiếng Lào. Việc nghiên cứu các đặc điểm biến thể thanh điệu tiếng Việt của VK tại Thái Lan hết sức hữu ích đối với người Việt Nam vì nó là đặc trưng tiếng Việt của người Việt xa quê hương được lưu giữ như di sản ngôn ngữ.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Luận án có hai mục đích là: 1 Miêu tả biến thể thanh điệu tiếng Việt qua các thể hệ VK ở tỉnh Nakhon Phanom, Thái Lan theo các đặc trưng: âm vực, âm điệu, trường độ và hiện tượng tắc thanh hầu; 2) Miêu tả sự biến đổi thanh điệu tiếng Việt qua các thể hệ VK ở tỉnh Nakhon Phanom, Thái Lan.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Luận án tập trung thực hiện các nhiệm vụ như sau: tổng quan tình hình nghiên cứu; Khảo sát điền dã và thu thập ngữ liệu thực tế;

Miêu tả và phân tích đặc điểm biến thể thanh điệu tiếng Việt theo các tiêu chí: âm vực, âm điệu, trường độ và hiện tượng tắc thanh hầu qua kết quả phân tích thực nghiệm ngữ âm học.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là biến thể và sự biến đổi thanh điệu tiếng Việt qua các thể hệ VK ở thành phố trực thuộc tỉnh (huyện Muang), tỉnh Nakhon Phanom, Thái Lan.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu của luận án là biến thể thanh điệu tiếng Việt qua bốn thể hệ VK ở tỉnh Nakhon Phanom. Thực nghiệm bằng 516 âm tiết và phân tích theo các đặc trưng: âm vực, âm điệu, trường độ và hiện tượng tắc thanh hầu.

4. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu

Đây là luận án đầu tiên mà thanh điệu tiếng Việt của VK tại Thái Lan được miêu tả một cách chi tiết với toàn bộ 516 âm tiết thí nghiệm theo cách kết thúc âm tiết trong tiếng Việt. Đề tài luận án này góp phần làm phong phú và chuyên sâu hơn về thanh điệu tiếng Việt của VK ở Thái Lan với kết quả nghiên cứu được phân tích một cách khách quan, chính xác và khoa học bằng chương trình Praat. Hơn nữa, luận án còn vận dụng kết quả nghiên cứu để tìm hiểu xu hướng của thanh điệu tiếng Việt của VK ở Thái Lan, tức biến thể thanh điệu tiếng Việt qua các thể hệ VK để có thể dự đoán sự biến đổi thanh điệu tiếng Việt trong tương lai sẽ diễn ra như thế nào do chịu ảnh hưởng từ sự tiếp xúc ngôn ngữ với các tiếng địa phương ở khu vực này.

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1. Ngữ liệu nghiên cứu

Để có được ngữ liệu cho đề tài, chúng tôi đã thu thập từ việc ghi âm lời nói của VK có quê quán ở khu vực Bắc Bộ của Việt Nam hoặc nói giọng Bắc từ khi sinh ra hoặc đang sử dụng giọng Bắc. Bốn thể hệ VK được chọn để ghi âm tổng cộng là 16 người, bao gồm 8 nam, 8 nữ, tức 2 nam 2 nữ ở mỗi thể hệ. Luận án sử dụng bảng từ gồm 516 âm tiết, được 13 nguyên âm đơn: i /i/, ê /e/, e/a (ach, anh) /ɛ /, ư /u/ , u /u/, ô /o/, o /ɔ/, ơ/ă /ɤ/, a /a/, ă, a (au, ay) /ã/ và 3 nguyên âm đôi: iê (yê, ia, ya) /ie/; ươ, ua /uɤ/; uô,ua /uo/ kèm với 6 thanh điệu với 2 phụ âm đầu: /t/ và /s/.

5.2. Phương pháp khảo sát điền dã

Để thu thập ngữ liệu, chúng tôi sử dụng ba chương trình trên máy tính như sau: ghi âm bằng chương trình Cool edit Pro ở tần số 22,050 Hz, 16-bit/mono dưới định dạng .wav; cắt âm bằng chương trình Audacity ở tần số 22,050 Hz, 16-bit/mono dưới định dạng .wav; phân tích ngữ liệu bằng chương trình Praat.

5.3. Phương pháp phân tích và miêu tả

Luận án phân tích và miêu tả thanh điệu tiếng Việt bằng kết quả thực nghiệm do chương trình Praat để phân tích và miêu tả ngữ âm học âm học theo các tiêu chí: âm vực, âm điệu, trường độ và hiện tượng tắc thanh hầu.

6. Bố cục của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án được triển khai thành ba chương sau:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu và cơ sở lý thuyết

Chương 2: Đặc điểm ngữ âm của các biến thể thanh điệu tiếng Việt qua các thể hệ Việt kiều ở tỉnh Nakhon Phanom

Chương 3: Sự biến đổi thanh điệu tiếng Việt qua các thể hệ Việt kiều ở tỉnh Nakhon Phanom

CHƯƠNG 1:

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ THUYẾT

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

1.1.1. Tình hình nghiên cứu tiếng Việt ngoại lãnh thổ Việt Nam

Trong số những công trình nghiên cứu tiếng Việt ở trên thế giới, công trình nghiên cứu của Đào Mực Đích và Nguyễn Thị Anh Thu (2017); Bunchavalit P. (2019a); Giang Tang (2007); Tu Trong Do và Tomio Takara (2004); Chaichompoo Ch. (2005); Phubetpeerawat Ph. (2014); Buarapha P. (2007); Paanchiangwong S. (2009); Phạm Thanh Hải (2016) đều có liên quan trực tiếp đến đề tài của luận án. Có thể nói, luận án này đã đi cùng hướng với các công trình trên nhưng khác về địa bàn, bảng từ khảo sát và luận án này đã khảo sát riêng sâu hơn về thanh điệu tiếng Việt theo các tiêu chí ngữ âm học.

2. Tình hình nghiên cứu tiếng Việt trong nước

Các công trình nghiên cứu tiếng Việt nói chung, các thổ ngữ tiếng Việt tại Việt Nam nói riêng như: Nguyễn Thị Hạnh (2015); Tạ Thành Tấn (2014); Nguyễn Thị Minh Châu (2016); Nguyễn Hoa Phương (2009); Trịnh Cẩm Lan (2007). Các công trình nghiên cứu trên đã góp phần làm rõ hơn về đặc điểm thanh điệu của tiếng Việt phổ thông nói chung, các thổ ngữ tiếng Việt nói riêng. Bên cạnh đó, trong việc xác định biến thể thanh điệu, không chỉ tập trung về sự khác biệt chỉ một tiêu chí mà phải xem xét một cách kỹ lưỡng, toàn diện đặc điểm thanh điệu đó.

1.2. Cơ sở lý thuyết

1.2.1. Khái niệm thanh điệu và thanh điệu tiếng Việt

Theo mặt âm vị học, thanh điệu là sự thay đổi của âm vực hoặc cao độ về tần số cơ bản trong một âm tiết. Thanh điệu được thể hiện

cùng với toàn bộ âm tiết, hay đúng hơn là toàn bộ phần thanh tính của âm tiết và đây chính là đặc trưng của âm vị siêu đoạn tính, trái lại với âm vị đoạn tính có thể bị tách thành các chiết đoạn nhỏ hơn. Thanh điệu có chức năng khu biệt từ không khác gì với các âm vị khác, tức là thanh điệu có tác dụng làm thay đổi ý nghĩa của các đơn vị ngôn ngữ. Về mặt phân loại, thanh điệu có hai loại hình thanh điệu: 1) Thanh dùng âm vực (register tone); 2) Thanh dùng điệu hình (contour tone).

1.2.1.1. Khái niệm thanh điệu tiếng Việt truyền thống

Về mặt lý thuyết, tiếng Việt hiện nay có sáu thanh điệu nhưng trên thực tế về âm vận học truyền thống tiếng Việt có tất cả tám thanh điệu thuộc cách phân bố theo âm vực cao-thấp (phù-trầm) và âm điệu (bằng-trắc) [Đoàn Thiện Thuật, 2016]. Tiêu chí âm vực chính là bậc cao độ của thanh (F_0), các thanh có âm vực cao: thanh ngang, thanh hỏi, thanh sắc, thanh sắc¹. Còn các thanh thuộc âm vực thấp: thanh huyền, ngã, nặng, nặng¹. Tức là ngoài sáu thanh trong các âm tiết không phải là âm tắc vô thanh làm âm cuối, thanh sắc¹ (sắc nhập, âm cuối vô thanh) và thanh nặng¹ (nặng nhập, âm cuối vô thanh) trong âm tiết khép đã chia thành hai thanh điệu khác và theo âm vị không gì khác biệt giữa thanh sắc, thanh nặng trong hai loại âm tiết. Khái niệm trên cũng như Hữu Đạt, Trần Trí Dõi và Đào Thanh Lan (1998).

1.2.1.2. Khái niệm hiện nay

Khái niệm truyền thống trên khác với khái niệm các đặc trưng khu biệt thanh điệu tiếng Việt của nhiều tác giả Châu Âu như Thompson L.C. (1985); Nguyễn Văn Lợi & Edmonson J.A. (1998); Hoa Phạm A. (2003); Brunelle M. (2009) về cách phân chia thanh điệu dựa trên hai tiêu chí âm vực và âm điệu như khái niệm truyền thống, còn có các kiểu cấu âm hoặc chất giọng để khu biệt thanh điệu tiếng Việt vì nó là đặc trưng nổi bật của thanh điệu tiếng Việt và có thể nhận diện rõ ràng.

1.2.2. Các nét khu biệt thanh điệu tiếng Việt

Ba tiêu chí khu biệt thanh điệu tiếng Việt hiện nay bao gồm: âm vực, âm điệu và chất giọng.

- Âm vực: các thanh điệu thuộc âm vực cao là: thanh ngang, thanh sắc và thanh ngã, còn các thanh điệu thuộc âm vực thấp là: thanh huyền, thanh hỏi và thanh nặng.

- Âm điệu: các thanh điệu có âm điệu bằng phẳng là: thanh ngang và thanh huyền, còn các thanh điệu có âm điệu không bằng phẳng là: thanh sắc, thanh hỏi, thanh ngã và thanh nặng.

- Chất giọng: ngoài tiêu chí giọng thờ và thanh hầu hóa mà xuất hiện không thường xuyên, giọng nghiêng là một đặc trưng khu biệt trong một số thanh điệu của phương ngữ Bắc và phương ngữ Trung, riêng hai thanh là thanh ngã có giọng nghiêng ở giữa âm tiết và thanh nặng có thanh hầu hóa mạnh ở cuối âm tiết.

1.2.3. Sự phân bố thanh điệu tiếng Việt trong các loại hình âm tiết

Các thanh điệu tiếng Việt xuất hiện trong các loại âm tiết khác nhau, tùy thuộc vào phụ âm cuối của âm tiết. Thanh ngang, thanh huyền, thanh ngã và thanh hỏi không xuất hiện trong các loại âm tiết có âm cuối là phụ âm tắc vô thanh là /-p/, /-t/, /-k/, chúng được gọi là âm tiết khép và sự thể hiện âm điệu bị hạn chế nên chỉ có thể xuất hiện với thanh sắc và thanh nặng. Tóm lại, phụ âm cuối trong loại hình âm tiết tiếng Việt có thể chia ra theo lưỡng phân: phụ âm tắc vô thanh và không phải phụ âm tắc vô thanh.

1.2.4. Các cách miêu tả thanh điệu tiếng Việt

Từ trước đến nay có thể chia ra cách miêu tả thanh điệu tiếng Việt ra hai khái niệm chính là bằng cảm thụ thính giác và bằng kết quả thực nghiệm như sau:

1.2.4.1. Miêu tả bằng cảm thụ thính giác

Cách miêu tả thanh điệu của Đoàn Thiện Thuật (2016) không chỉ căn cứ bằng cảm thụ thính giác mà còn dựa trên những tư liệu của ngữ âm học thực nghiệm của hai tác giả N.D. Andreev và M.V. Gordina và có thể nhận diện được các tiêu chí âm vực, âm điệu, âm điệu gây-không gây và hiện tượng tắc thanh hầu.

1.2.4.2. Miêu tả bằng kết quả thực nghiệm

Theo phân tích thực nghiệm ngữ âm học với những miêu tả rất cụ thể của hệ thống thanh điệu tiếng Việt có nhiều tác giả như N.D. Andreev và M.V. Gordina [dẫn theo Đoàn Thiện Thuật, 2016]; Vũ Thanh Phương (1982); Hoàng Cao Cương (1989); Thompson L.C. (1985); Alves Mark (1995); Nguyễn Văn Lợi và Edmonson (1997); Hoàng Thị Châu (2009); Vũ Kim Bảng (2010); Vũ Đức Nghiệu và Nguyễn Văn Hiệp (2010); Nguyễn Thị Hai (2017) được coi như là đặc trưng thanh điệu tiếng Việt toàn dân khu biệt với nhau về âm vực, âm điệu, chất giọng và hiện tượng nảy sinh từ các kiểu tạo thanh.

1.2.5. Sự biến đổi ngôn ngữ và sự biến đổi ngữ âm

1.2.5.1. Sự biến đổi ngôn ngữ

Sự biến đổi ngôn ngữ là có biến thể trong ngôn ngữ nào đó từ hai biến thể trở lên nhưng có thể sử dụng thay thế mà không làm thay đổi về mặt ý nghĩa. Sự biến đổi ngôn ngữ có liên quan đến nhiều nhân tố, những nhóm người khác nhau về tuổi tác, quê quán, nghề nghiệp, giáo dục, vị trí xã hội hoặc về tôn giáo nói những biến thể khác nhau của ngôn ngữ. Các nhân tố có ảnh hưởng đến sự thay đổi hoặc biến đổi ngôn ngữ được chia thành hai loại là nhân tố bên trong và nhân tố bên ngoài.

1.2.5.2. Sự biến đổi ngữ âm

Sự biến đổi ngữ âm có hai đặc điểm là sự biến đổi có điều kiện và sự biến đổi tự do. Sự biến đổi có điều kiện xảy ra khi có hai âm vị có đặc trưng như nhau xuất hiện theo kiểu tránh khỏi nhau trong hoàn cảnh

khác nhau và được coi là hai đơn vị của một âm vị nào đó. Còn sự biến đổi tự do có hai loại là biến đổi tự do giữa hai âm vị và biến đổi tự do giữa các đơn vị của một âm vị. Sự biến đổi ngữ âm nói chung và thanh điệu nói riêng cũng như sự biến đổi của phụ âm và nguyên âm bao gồm các loại hiện tượng như: thích nghi, đồng hóa, đồng hóa, dị hóa, nhượng hóa âm, tăng lên và giảm đi, xóa âm, đọc nối âm. Còn sự biến đổi riêng âm thanh có thể xảy ra một số hiện tượng như: đồng hóa thanh điệu, dị hóa thanh điệu, phối hợp thanh điệu, tăng lên thanh điệu và giảm đi thanh điệu.

1.3. Khái quát về lịch sử tỉnh Nakhon Phanom và vài nét của Việt kiều

1.3.1. Lịch sử tỉnh Nakhon Phanom

Sự di cư của người Việt vào địa bàn này có thể chia thành hai nhóm là người Việt thế hệ cũ và người Việt thế hệ mới hoặc gọi là người Việt di cư. Người Việt thế hệ cũ là người Việt Nam đã di cư từ triều đại Thon Buri trước năm 1945, còn người Việt thế hệ mới là người Việt Nam di cư sau Chiến tranh Thế giới thứ Hai. Từ năm 1945 đến 1946, Pháp đã cai trị Lào, Campuchia và đàn áp người Việt Nam sinh sống tại hai nước này, khiến cho người Việt Nam phải di cư vào các tỉnh miền Đông Bắc của Thái Lan. Nakhon Phanom là tỉnh được lựa chọn để hoạt động cách mạng của Đoàn Thanh niên Nhân dân Cách mạng. Những nguyên nhân trên khiến cho Nakhon Phanom là một trong những tỉnh có đông VK sinh sống nhất ở Thái Lan

1.3.2. Vài nét về Việt kiều ở tỉnh Nakhon Phanom

Nakhon Phanom được coi là khu vực văn hóa đa dạng do có đến bảy dân tộc: Nyaw, Phutai, Saek, So, Kha, Kalueng và Lào. Ngoài người Thái, còn có người Thái gốc Việt và người Thái gốc Hoa sinh sống ở tỉnh này. Chính vì vậy, sự đa dạng của các dân tộc nêu trên làm cho có sự đa dạng cả về văn hóa lẫn ngôn ngữ. Ngôn ngữ là sự khác

biệt giữa VK cũ và VK mới, tức là VK cũ thường nói tiếng Việt giọng Hà Tĩnh, còn VK mới thường nói tiếng Việt giọng Hà Nội hoặc trộn với tiếng Isan và tiếng Lào [Poonphanich W., 2010] nhưng tiếng Việt của họ rất khác biệt so với tiếng Việt ở Việt Nam, đặc biệt là sự khác biệt về giọng nói hoặc thanh điệu có thể nhận biết được rõ ràng nhất.

1.4. Tiểu kết chương 1

Nhìn chung về các nghiên cứu ngoài lãnh thổ Việt Nam, vì sự khác biệt từ cấp ngữ âm giữa tiếng Việt và ngôn ngữ của nơi nhập cư mới làm cho tiếng Việt của VK tại các khu vực có sự khác nhau. Xét riêng về thanh điệu, giọng nói của VK ở Mỹ, Úc chắc chắn khác với VK ở Thái Lan vì bản chất của tiếng Anh và tiếng Thái là ngôn ngữ thuộc hai ngữ hệ khác nhau có sự khác nhau từ cấp âm vị học nên hai ngôn ngữ này ảnh hưởng đến tiếng Việt khác nhau. Phần lớn trong vấn đề của người song ngữ, đa ngữ là do tiếp xúc ngôn ngữ vì họ sử dụng dạng ngôn ngữ của tiếng mẹ đẻ thay thế tiếng thứ hai và dẫn đến giao thoa ngôn ngữ. Ngoài nhân tố bên trong làm thay đổi ngôn ngữ, tức là bản thân ngôn ngữ, sự biến đổi ngôn ngữ còn chịu ảnh hưởng trực tiếp từ sự tiếp xúc ngôn ngữ và các nhân tố bên ngoài khác.

CHƯƠNG 2:

ĐẶC ĐIỂM NGỮ ÂM CỦA CÁC BIẾN THỂ THANH ĐIỆU TIẾNG VIỆT QUA CÁC THỂ HỆ VIỆT KIỀU Ở TỈNH NAKHON PHANOM

2.1. Các biến thể thanh điệu của VK I

2.1.1. Biến thể thanh ngang của VK I

Thanh ngang của nam giới VK I thuộc âm vực thanh thấp, âm điệu bằng phẳng [22]. Còn thanh ngang của nữ giới VK I thuộc âm vực thấp, âm điệu xuống [32].

2.1.2. Biến thể thanh huyền của VK I

Thanh huyền của cả nam giới và nữ giới VK I đều thuộc âm vực thấp, âm điệu đi xuống [21].

2.1.3. Biến thể thanh sắc của VK I

Thanh sắc ở âm tiết kết thúc không bằng phụ âm TVT của nam giới VK I thuộc âm vực thấp, âm điệu xuống-lên [23] trong khi thanh sắc ở âm tiết kết thúc bằng phụ âm TVT thuộc âm vực trung bình, âm điệu bằng phẳng [22]. Thanh sắc ở âm tiết kết thúc không bằng phụ âm TVT của nữ giới VK I thuộc âm vực trung bình, âm điệu xuống-lên [34] trong khi Thanh sắc ở âm tiết kết thúc bằng phụ âm TVT thuộc âm vực trung bình, âm điệu đi lên [34].

2.1.4. Biến thể thanh hỏi của VK I

Thanh hỏi của nam giới VK I thuộc âm vực thấp, âm điệu xuống-lên [212]. Còn thanh hỏi của nữ giới VK I thuộc âm vực trung bình, âm điệu xuống-bằng phẳng [322].

2.1.5. Biến thể thanh ngã của VK I

Thanh ngã của nam giới VK I thuộc âm vực thấp, âm điệu: lên [23], lên-tắc thanh hầu [23*], xuống-lên-tắc thanh hầu [213]. Còn thanh ngã của nữ giới VK I thuộc âm vực trung bình, âm điệu lên [23], lên-tắc thanh hầu [23*], xuống-lên-tắc thanh hầu [213*], lên-xuống [354].

2.1.6. Biến thể thanh nặng của VK I

Thanh nặng ở âm tiết kết thúc không bằng phụ âm TVT của nam giới VK I thuộc âm vực thấp, âm điệu bản phẳng [22] trong khi thanh nặng ở âm tiết kết thúc bằng phụ âm TVT thuộc âm vực thấp, âm điệu xuống [21]. Còn thanh nặng ở âm tiết kết thúc không bằng phụ âm TVT của nữ giới VK I thuộc âm vực trung bình, âm điệu xuống-tắc thanh hầu [32*], xuống [32], bằng phẳng-lên [334*] trong khi thanh nặng ở âm tiết kết thúc bằng phụ âm TVT thuộc âm vực thấp, âm điệu bằng phẳng [22].

2.2. Các biến thể thanh điệu của VK II

2.2.1. Biến thể thanh ngang của VK II

Thanh ngang của nam giới VK II thuộc âm vực thấp, âm điệu bằng phẳng [22]. Còn thanh ngang của nữ giới VK II thuộc âm vực thanh cao, âm điệu bằng phẳng [33].

2.2.2. Biến thể thanh huyền của VK II

Thanh huyền của cả nam giới và nữ giới VK II đều thuộc âm vực thanh thấp, âm điệu xuống [21].

2.2.3. Biến thể thanh sắc của VK II

Thanh sắc ở cả âm tiết kết thúc không bằng phụ âm TVT và âm tiết kết thúc bằng phụ âm TVT của nam giới VK II đều thuộc âm vực thanh thấp, âm điệu bằng phẳng [22]. Còn thanh sắc ở cả âm tiết kết thúc không bằng phụ âm TVT và âm tiết kết thúc bằng phụ âm TVT của nữ giới VK II đều thuộc âm vực trung bình, âm điệu xuống [34].

2.2.4. Biến thể thanh hỏi của VK II

Thanh hỏi của nam giới VK II thuộc âm vực thấp, âm điệu xuống-bằng phẳng [211]. Còn thanh hỏi ở âm tiết kết thúc không bằng phụ âm TVT của nữ giới VK II thuộc âm vực trung bình, âm điệu xuống-bằng phẳng [322].

2.2.5. Biến thể thanh ngã của VK II

Thanh ngã của nam giới VK II thuộc âm vực thấp, âm điệu lên-tắt thanh hầu [23*], xuống-lên-tắt thanh hầu [213*], lên-xuống-tắt thanh hầu [353*]. Còn thanh ngã của nữ giới VK II thuộc âm vực cao, âm điệu lên [34], lên-tắt thanh hầu [23*], lên-xuống-tắt thanh hầu [253*], xuống-lên-tắt thanh hầu [413*].

2.2.6. Biến thể thanh nặng của VK II

Thanh nặng ở cả âm tiết kết thúc không bằng phụ âm TVT và âm tiết kết thúc bằng phụ âm TVT của cả nam giới và nữ giới VK II đều thuộc âm vực thấp, âm điệu xuống [21].

2.3. Các biến thể thanh điệu của VK III

2.3.1. Biến thể thanh ngang của VK III

Thanh ngang của nam giới VK III thuộc âm vực thấp, âm điệu bằng phẳng [22]. Còn thanh ngang của nữ giới VK II thuộc âm vực trung bình, âm điệu bằng phẳng [33].

2.3.2. Biến thể thanh huyền của VK III

Thanh huyền của nam giới VK III thuộc âm vực thấp, âm điệu xuống [21]. Thanh huyền của nữ giới VK III thuộc âm vực trung bình, âm điệu xuống [32].

2.3.3. Biến thể thanh sắc của VK III

Thanh sắc ở âm tiết kết thúc không bằng phụ âm TVT của nam giới VK III thuộc âm vực thấp, âm điệu bằng phẳng [11] trong khi thanh sắc ở âm tiết kết thúc bằng phụ âm TVT thuộc âm vực trung bình, âm điệu bằng phẳng [22]. Còn thanh sắc ở âm tiết kết thúc không bằng phụ âm TVT của nữ giới VK III thuộc âm vực trung bình, âm điệu xuống-lên [323] trong khi thanh sắc ở âm tiết kết thúc bằng phụ âm TVT thuộc âm vực trung bình, âm điệu bằng phẳng [22].

2.3.4. Biến thể thanh hỏi của VK III

Thanh hỏi của nam giới VK III thuộc âm vực thấp, âm điệu xuống-lên [212]. Còn thanh hỏi của nữ giới VK III thuộc âm vực trung bình, âm điệu xuống [32].

2.3.5. Biến thể thanh ngã của VK III

Thanh ngã của nam giới VK III là thanh thấp, âm điệu lên-TTH [23*], lên [25*], lên-xuống-TTH [252*] và [151*]. Thanh ngã ở âm tiết

kết thúc bằng phụ âm TVT của nữ giới VK III thuộc âm vực trung bình, âm điệu xuống-lên [323], xuống-lên-TTH [323*].

2.3.6. Biến thể thanh nặng của VK III

Thanh nặng ở âm tiết kết thúc không bằng phụ âm TVT của nam giới VK III thuộc âm vực thấp, âm điệu xuống [21], xuống-lên-TTH [214*] trong khi thanh nặng ở âm tiết kết thúc bằng phụ âm TVT thuộc âm vực thấp, âm điệu xuống [21]. Còn thanh nặng ở âm tiết kết thúc không bằng phụ âm TVT của nữ giới VK III thuộc âm vực trung bình, âm điệu xuống [32], bằng phẳng-lên-TTH [335*] trong khi thanh nặng ở âm tiết kết thúc bằng phụ âm TVT thuộc âm vực trung bình, âm điệu xuống [32].

2.4. Các biến thể thanh điệu của VK IV

2.4.1. Biến thể thanh ngang của VK IV

Thanh ngang của nam giới VK IV thuộc âm vực thấp, âm điệu bằng phẳng [22]. Còn thanh ngang của nữ giới VK IV thuộc âm vực trung bình, âm điệu bằng phẳng [33].

2.4.2. Biến thể thanh huyền của VK IV

Thanh huyền của nam giới VK IV thuộc âm vực thấp, âm điệu xuống [21]. Còn thanh huyền của nữ giới VK IV thuộc âm vực trung bình, âm điệu xuống [32].

2.4.3. Biến thể thanh sắc của VK IV

Thanh sắc ở âm tiết kết thúc không bằng phụ âm TVT của nam giới VK IV thuộc âm vực thấp, âm điệu xuống-lên [212] trong khi thanh sắc ở âm tiết kết thúc bằng phụ âm TVT thuộc âm vực thấp, âm điệu bằng phẳng [22]. Còn thanh sắc ở âm tiết kết thúc không bằng phụ âm TVT của nữ giới VK IV thuộc âm vực trung bình, âm điệu xuống-lên [323] trong khi thanh sắc ở âm tiết kết thúc bằng phụ âm TVT thuộc âm vực cao, âm điệu bằng phẳng [44].

2.4.4. Biến thể thanh hỏi của VK IV

Thanh hỏi của cả nam giới và nữ giới VK IV đều thuộc âm vực thấp, âm điệu xuống [21].

2.4.5. Biến thể thanh ngã của VK IV

Thanh ngã ở âm tiết kết thúc không bằng phụ âm TVT của nam giới VK IV thuộc âm vực thấp, âm điệu lên-TTH [23], lên-xuống [252]. Còn thanh ngã ở âm tiết kết thúc bằng phụ âm TVT của nữ giới VK IV thuộc âm vực thấp, âm điệu xuống-lên-TTH [324*], lên-TTH [23*].

2.4.6. Biến thể thanh nặng của VK IV

Thanh nặng ở âm tiết kết thúc không bằng phụ âm TVT của nam giới VK IV thuộc âm vực thấp, âm điệu bằng phẳng [22], bằng phẳng-lên [223] trong khi thanh nặng ở âm tiết kết thúc bằng phụ âm TVT thuộc âm vực thấp, âm điệu xuống [21]. Còn thanh nặng ở âm tiết kết thúc không bằng phụ âm TVT của nữ giới VK IV thuộc âm vực thấp, âm điệu xuống [21] trong khi thanh nặng ở âm tiết kết thúc bằng phụ âm TVT của nữ giới VK IV thuộc âm vực trung bình, âm điệu xuống [32].

2.5. Tiểu kết chương 2

2.5.1. Biến thể thanh điệu của VK I

Thanh ngang có hai biến thể là: 1) thấp-bằng phẳng [22]; 2) trung bình- xuống [32]. Thanh huyền có một biến thể là thấp-xuống [21]. Thanh sắc có ba biến thể là: 1) thấp-lên [23]; 2) trung bình-lên [34]; 3) bằng phẳng [22]. Thanh hỏi có hai biến thể là: 1) thấp-xuống-lên [212]; 2) trung bình-xuống-bằng phẳng [322]. Thanh ngã có bốn biến thể là: 1) thấp-lên [23]; 2) thấp-lên-TTH [23*]; 3) thấp-xuống-lên-TTH [213*]; 4) trung bình-lên-xuống [354]. Thanh nặng có năm biến thể là: 1) trung bình-xuống-TTH [32*]; 2) trung bình-xuống [32]; 3) thấp-xuống [21]; 4) trung bình-bằng phẳng-lên [334]; 5) thấp-bằng phẳng [22].

2.5.2. Biến thể thanh điệu của VK II

Thanh ngang có hai biến thể là: 1) thấp-bằng phẳng [22]; 2) cao-bằng phẳng [33]. Thanh huyền có một biến thể là thấp-xuống [21]. Thanh sắc có hai biến thể là: 1) thấp-bằng phẳng [22]; 2) trung bình-lên [34]. Thanh hỏi có hai biến thể là: 1) thấp-xuống-bằng phẳng [211]; 2) trung bình-xuống-bằng phẳng [322]. Thanh ngã có sáu biến thể là 1) thấp-lên-TTH [23*]; 2) cao-lên [34]; 3) trung bình-lên-xuống-TTH [353]; 4) thấp-lên-xuống-TTH [253*]; 5) thấp-xuống-lên-TTH [213*]; 6) cao-xuống-lên-TTH [413*]. Thanh nặng có một biến thể là thấp-xuống [21].

2.5.3. Biến thể thanh điệu của VK III

Thanh ngang có hai biến thể là: 1) thấp-bằng phẳng [22]; 2) trung bình- bằng phẳng [33]. Thanh huyền có hai biến thể là: 1) thấp-xuống [21]; 2) trung bình-xuống [32]. Thanh sắc có ba biến thể là: 1) thấp-bằng phẳng [11]; 2) trung bình-bằng phẳng [22]; 3) trung bình-xuống-lên [323]. Thanh hỏi có ba biến thể là: 1) thấp-xuống-lên [212]; 2) trung bình-xuống [32]; 3) thấp-xuống-lên-TTH [212*]. Thanh ngã có bốn biến thể là: 1) thấp-xuống-lên [323]; 2) thấp-lên [25]; 3) trung bình-xuống-lên-TTH [323*]; 4) thấp-lên-xuống-TTH [252*]. Thanh nặng có bốn biến thể là: 1) thấp-xuống [21]; 2) trung bình-xuống [32]; 3) thấp-xuống-lên-TTH [24*]; 4) trung bình-bằng phẳng-lên- TTH [335*].

2.5.4. Biến thể thanh điệu của VK IV

Thanh ngang có hai biến thể là: 1) thấp-bằng phẳng [22]; 2) trung bình-bằng phẳng [33]. Thanh huyền có hai biến thể là: 1) thấp-xuống [21]; 2) trung bình-xuống [32]. Thanh sắc có bốn biến thể là: 1) thấp-xuống-lên [112]; 2) trung bình-xuống-lên [323]; 3) thấp-bằng phẳng [22]; 4) cao-bằng phẳng [44]. Thanh hỏi có một biến thể là thấp-xuống [21]. Thanh ngã có bốn biến thể là: 1) trung bình-xuống-lên

[324]; 2) thấp-lên-TTH [23*]; 3) trung bình-xuống-lên-TTH [324*]; 4) trung bình-lên-xuống [252]. Thanh nặng có bốn biến thể là: 1) bằng phẳng [22]; 2) bằng phẳng-lên [223]; 3) thấp-xuống [21]; 4) trung bình-xuống [32].

CHƯƠNG 3:

SỰ BIẾN ĐỔI THANH ĐIỀU TIẾNG VIỆT QUA CÁC THỂ HỆ VIỆT KIỀU Ở TỈNH NAKHON PHANOM

3.1. Sự biến đổi thanh điệu tiếng Việt

3.1.1. Sự biến đổi thanh ngang qua các thể hệ VK

Thanh ngang của cả bốn thể hệ đều có âm điệu bằng phẳng [22], [33], ngoại trừ VK I có thêm một biến thể xuống [32]. Từ VK I đến VK IV, có sự khác biệt về âm vực giữa giới tính, tức là âm vực của nam giới thấp hơn nữ giới một bậc. Có thể nói, thanh ngang không có sự biến đổi.

3.1.2. Sự biến đổi thanh huyền qua các thể hệ VK

Thanh huyền của cả bốn thể hệ đều có âm điệu xuống [21], [31] và [32], ngoại trừ VK I và VK II chỉ xuất hiện một biến thể [21]. Ngoài sự khác biệt về âm vực, tức là âm vực của nữ giới ở VK III và VK IV cao hơn nam giới một bậc thì có thể nói thanh huyền không có sự biến đổi về tiêu chí nào cả bốn thể hệ.

3.1.3. Sự biến đổi thanh sắc qua các thể hệ VK

Thanh sắc của cả bốn thể hệ có thể chia ra hai nhóm theo mặt âm điệu, tức là các biến thể thanh sắc của VK I tương tự như VK II là: 1) lên [23], [34]; 2) bằng phẳng [22]. Trong khi các biến thể thanh sắc của VK III tương tự như VK IV là 1) bằng phẳng [11], [22], [44]; 2) xuống-lên [323], [112]. Từ VK I đến VK IV sự biến đổi của thanh sắc đã biến đổi từ biến thể lên thành biến thể xuống-lên nhưng biến thể bằng phẳng vẫn tồn tại cả bốn thể hệ.

3.1.4. Sự biến đổi thanh hỏi qua các thế hệ VK

Từ VK I đến VK IV, sự biến đổi của thanh hỏi đã biến đổi từ biến thể xuống-lên [212] và xuống-bằng phẳng [322] ở VK I thành xuống-bằng phẳng [211], [322] ở VK II và nó đã mất đi ở VK III. Ở VK III xuất hiện ba biến thể: xuống-lên [212]; xuống [32]; xuống-lên-TTH [212*] ở VK III và chỉ còn một biến thể xuống [21] ở VK IV.

3.1.5. Sự biến đổi thanh ngã qua các thế hệ VK

Thanh ngã được coi là có nhiều biến thể nhất so với các thanh khác và biến thể thanh ngã có đặc điểm đáng chú ý là có xuất hiện hiện tượng TTH ở cả bốn thế hệ nhưng không phải trong mọi biến thể. Từ VK I đến VK IV, sự biến đổi của thanh ngã đã mất đi biến thể lên ở VK IV nhưng các biến thể khác của VK I vẫn tồn tại đến VK IV nhưng xuất hiện hiện tượng TTH nhiều hơn từ VK II trở đi.

3.1.6. Sự biến đổi thanh nặng qua các thế hệ VK

Từ VK I đến VK IV, sự biến đổi của thanh nặng ngoại đã mất đi hiện tượng TTH hoàn toàn ở VK IV, các biến thể ở VK I như bằng phẳng, bằng phẳng lên, xuống vẫn tồn tại ở VK IV nhưng chỉ khác biệt về mặt âm vực.

3.2. Những nhân tố tác động đến sự tồn tại của các biến thể

3.2.1. Những nhân tố bên trong

Sự giảm đi của hiện tượng TTH ở thanh ngã và sự mất đi hoàn toàn của thanh nặng của hiện tượng TTH ở thanh nặng qua các thế hệ VK là minh chứng do nhân tố bên trong, tức là cơ chế đơn giản hóa hoặc cách phát âm dễ dàng hơn được rõ ràng nhất trong sự biến đổi thanh điệu tiếng Việt.

3.2.2. Những nhân tố bên ngoài

3.2.2.1. Những nhân tố bên ngoài tác động đến thanh ngang

Thanh ngang của nữ giới VK I đã bị giao thoa từ thanh ệch trong tiếng Thái do nhân tố xã hội về giới tính và tuổi tác. Tuy nhiên, thanh ngang được coi là không có sự biến đổi nào.

3.2.2.2. Những nhân tố bên ngoài tác động đến thanh huyền

Thanh huyền được coi là không có sự biến đổi nào. Nhìn mặt khác, nếu so với đặc trưng thanh điệu tiếng Thái thì có thanh ệch (thấp-xuống) có đặc trưng tương tự với thanh huyền và khiến cho thanh huyền được coi là không có sự biến đổi nào.

3.2.2.3. Những nhân tố bên ngoài tác động đến thanh sắc

Sự biến đổi thanh sắc nhìn thấy rõ rệt từ VK III trở đi, tức là biến thể lên ở VK I và VK II đã biến đổi ở VK III và VK IV thành biến thể xuống-lên như thanh hỏi trong tiếng Việt và tương tự với đặc trưng của thanh chặt tạ va trong tiếng Thái, còn biến thể bằng phẳng chỉ xuất hiện ở âm tiết kết thúc bằng phụ âm TVT thì tương tự với thanh xá măn trong tiếng Thái và đây là hệ quả rõ rệt do sự giao thoa ngôn ngữ từ hệ thống thanh điệu tiếng Thái.

3.2.2.4. Những nhân tố bên ngoài tác động đến thanh hỏi

Thanh hỏi của VK I, VK III, VK IV vẫn giữ đặc trưng xuống-lên như thanh hỏi trong tiếng Việt gốc nhưng ở VK III và VK IV, do sự giao thoa ngôn ngữ từ hệ thống thanh điệu tiếng Thái lại có thêm biến thể xuống như thanh ệch và riêng VK III có xuất hiện biến thể xuống cùng với hiện tượng TTH.

3.2.2.5. Những nhân tố bên ngoài tác động đến thanh ngã

Đặc trưng xuống-lên-TTH như thanh ngã trong tiếng Việt vẫn tồn tại ở VK II, VK III, VK IV và còn có thêm các biến thể khác tương tự như âm điệu lên của thanh tri, âm điệu lên-xuống của thanh thô, âm điệu xuống-lên của thanh chặt tạ va do sự giao thoa từ hệ thống thanh điệu tiếng Thái. Ngoài ảnh hưởng do nhân tố bên trong như cơ chế đơn giản

hóa gây ra sự mất đi hiện tượng TTH, tiếp xúc ngôn ngữ với tiếng Thái có ảnh hưởng lớn đến sự biến đổi thanh ngã hơn nhân tố xã hội về trình độ giáo dục.

3.2.2.6. Những nhân tố bên ngoài tác động đến thanh nặng

VK I chỉ là một thể hệ duy nhất vẫn giữ được đặc trưng thanh ngã như tông tiếng Việt gốc. Ngoài ảnh hưởng do nhân tố bên trong như cơ chế đơn giản hóa gây ra sự mất đi hiện tượng TTH, sự biến đổi thanh nặng của các thể hệ VK đã thêm các biến thể khác như biến thể bằng phẳng như thanh xá măn và biến thể xuống như thanh ệch do sự giao thoa từ hệ thống thanh điệu tiếng Thái.

3.3. Tiểu kết chương 3

Sự biến đổi thanh điệu tiếng Việt của VK có ảnh hưởng từ hai nhân tố chính là nhân tố bên trong và nhân tố bên ngoài. Nhưng do việc phân tích sự biến đổi do nhân tố bên trong là một nghiên cứu khá phức tạp nên luận án này chỉ có thể phân tích sự biến đổi chủ yếu do những nhân tố bên ngoài và chỉ có thể giả định sự biến đổi do nhân tố bên trong ở một số thanh điệu như cơ chế đơn giản hóa trong thanh ngã và thanh nặng. Còn sự biến đổi của các thanh điệu khác thì chủ yếu do nhân tố bên ngoài tức là sự giao thoa ngôn ngữ từ hệ thống thanh điệu tiếng Thái.

KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu “Biến thể thanh điệu tiếng Việt qua các thể hệ VKở tỉnh Nakhon Phanom, Thái Lan”, chúng tôi đã rút ra được một số kết luận về biến thể và sự biến đổi thanh điệu tiếng Việt như sau:

Sự biến đổi thanh điệu tiếng Việt của các thể hệ VK chịu ảnh hưởng do hai nhân tố là nhân tố bên trong và nhân tố bên ngoài. Tuy nhiên, do việc phân tích sự biến đổi do nhân tố bên trong là một nghiên cứu khá phức tạp nên luận án này chỉ có thể phân tích sự biến đổi chủ

yếu do những nhân tố bên ngoài và chỉ có thể giả định rằng sự biến đổi trong thanh ngã và thanh nặng do nhân tố bên trong ở một số thanh điệu tiếng Việt như cơ chế cơ chế đơn giản hóa, vì đó là sự biến đổi một cách tự nhiên của ngôn ngữ. Các nhân tố bên ngoài do tiếp xúc ngôn ngữ như giao thoa ngôn ngữ còn có tác động lớn đến sự biến đổi thanh điệu tiếng Việt của các thế hệ VK ở địa bàn này cũng như George H.V. (1972) cho rằng một phần ba của hệ thống, cấu trúc của tiếng thứ hai đã biến đổi do sự giao thoa và đây chính là nguyên nhân chủ yếu gây ra vấn đề của người song ngữ, đa ngữ. Các thế hệ VK đang sử dụng cả tiếng Thái, tiếng Việt và tiếng Isan, tất nhiên là họ có thể bị nhầm lẫn và sử dụng sai quy luật giữa các ngôn ngữ ấy. Biến thể thanh điệu tiếng Việt của các thế hệ VK đã và đang biến đổi dần dần về cả đặc trưng lẫn hệ thống thanh điệu và khác biệt so với tiếng Việt gốc như sau:

1. Thanh ngang: biến thể thanh ngang của cả bốn thế hệ đều có âm điệu bằng phẳng: [22], [33] nhưng có sự khác biệt rõ rệt về âm vực giữa giới tính, tức là âm vực thanh ngang của nam giới [22] thấp hơn âm vực của nữ giới [33] một bậc. Thêm vào đó, nữ giới VK I đã có thêm một biến thể xuống [32] do bị giao thoa từ thanh ẹch trong tiếng Thái. Nhân tố xã hội về giới tính và tuổi tác khiến cho nữ giới VK I xuất hiện thêm biến thể xuống này trong khi các thế hệ khác đều phát âm thanh ngang theo biến thể bằng phẳng và có thể nói thanh ngang của VK không có sự biến đổi rõ rệt vì các thế hệ vẫn giữ được đặc trưng thanh ngang tương tự như thanh ngang trong tiếng Việt gốc và có thể dự đoán rằng thanh ngang sẽ không biến đổi trong tương lai vì cả bốn thế hệ VK đều vẫn giữ được đặc trưng bằng phẳng như thanh ngang trong tiếng Việt gốc.

2. Thanh huyền: biến thể thanh huyền của cả bốn thế hệ đều có âm điệu xuống: [21], [31], [32] và không xuất hiện thêm biến thể khác,

họ vẫn giữ được đặc trưng thanh huyền như thanh huyền trong tiếng Việt gốc. Chính vì vậy, thanh huyền được coi là không biến đổi và có thể dự đoán rằng thanh huyền sẽ không biến đổi trong tương lai vì cả bốn thể hệ VK đều vẫn giữ được đặc trưng cả âm vực lẫn âm điệu của thanh huyền như thanh huyền trong tiếng Việt gốc.

3. Thanh sắc: các biến thể thanh sắc từng thể hệ VK có sự khác biệt do chịu ảnh hưởng của sự giao thoa từ thanh điệu tiếng Thái khác nhau, tức là VK I và VK II vẫn phát âm thanh sắc theo biến thể lên: [23], [34] như thanh sắc trong tiếng Việt gốc. Khi đến VK III và VK IV lại mất đi biến thể lên nêu trên và xuất hiện biến thể xuống-lên: [323], [112] trong khi biến thể bằng phẳng: [11], [22], [444] xuất hiện ở âm tiết kết thúc bằng phụ âm TVT ở cả bốn thể hệ. Về mặt âm vực, biến thể thanh sắc của VK thuộc âm vực thấp và trung bình, tức là thấp hơn thanh sắc trong tiếng Việt gốc vì nó thuộc âm vực cao. Sự giao thoa từ thanh xá măn (trung bình-bằng phẳng) và thanh chặt tạ va (thấp-xuống-lên) trong tiếng Thái vào biến thể thanh sắc xuất hiện ở cả bốn thể hệ nhưng sự giao thoa ấy có thể nhìn thấy rõ rệt hơn ở VK III và VK IV. Có một điều đáng chú ý là mặc dù nam giới VK IV có trình độ tiếng Việt cao nhưng cũng không thể giữ đặc trưng lên của thanh sắc trong tiếng Việt gốc và tránh sự giao thoa từ thanh điệu tiếng Thái được. Do sự giao thoa từ thanh xá măn và thanh chặt tạ va nói trên thì có thể nói thanh sắc của VK đã và đang dần dần tách ra thành ba biến thể, tức là biến thể gốc (lên) vẫn tồn tại ở VK I và VK II trong khi hai biến thể mới (xuống-lên, bằng phẳng) đang sử dụng phổ biến ở VK III và VK IV. Chính vì vậy, có thể dự đoán rằng trong tương lai biến thể gốc của thanh sắc có thể mất đi hoàn toàn và thanh sắc có xu hướng biến đổi hoàn toàn thành âm điệu xuống-lên như thanh chặt tạ va ở âm tiết kết thúc không bằng phụ âm TVT và âm điệu bằng phẳng như thanh xá

măn ở âm tiết kết thúc bằng phụ âm TVT trong khi âm vực sẽ thấp hơn thanh sắc trong tiếng Việt gốc.

4. Thanh hỏi: biến thể thanh hỏi của VK I, VK III, VK IV vẫn giữ được đặc trưng xuống-lên [212] như thanh hỏi trong tiếng Việt gốc nhưng ở VK III và VK IV lại có thêm biến thể xuống: [32], [21], riêng VK III có xuất hiện biến thể xuống [212] cùng với hiện tượng TTH trong khi còn có thêm các biến thể mới: xuống-bằng phẳng [322] chỉ xuất hiện ở VK I và VK II; xuống: [32], [21] chỉ xuất hiện ở VK III và VK IV. Nếu xét các biến thể từng thế hệ thì sẽ thấy rằng biến thể xuống-bằng phẳng chỉ xuất hiện ở VK I và VK II, khi đến VK III thì biến thể này lại mất đi và xuất hiện thêm biến thể xuống. Có thể nói sự biến đổi thanh hỏi của VK do sự giao thoa từ thanh ệch (thấp-xuống) trong tiếng Thái khiến cho thanh hỏi từ VK II trở đi đã và đang dần dần tách ra thành hai biến thể, tức là biến thể gốc (xuống-lên) vẫn tồn tại ở cả bốn thế hệ trong khi biến thể mới (xuống) đang sử dụng đồng thời với biến thể gốc. Do biến thể gốc và biến thể mới của thanh hỏi đang được sử dụng phổ biến cùng nhau. Chính vì vậy, có thể dự đoán rằng trong tương lai thanh hỏi của VK có xu hướng tách ra thành hai đặc trưng là xuống-lên như tiếng Việt gốc và xuống như thanh ệch trong khi cả hai biến thể vẫn thuộc âm vực thấp như tiếng Việt gốc.

5. Thanh ngã: biến thể thanh ngã của cả bốn thế hệ VK vẫn giữ được đặc trưng xuống-lên-TTH: [213*], [413*], [323*], [324*] như tiếng Việt gốc, ngoại trừ VK I không có hiện tượng TTH. Bên cạnh đó, thanh ngã của VK còn có thêm các biến thể mới do sự giao thoa từ thanh điệu tiếng Thái, tức là biến thể lên: [23], [23*], [34], [25] như thanh tri (lên); biến thể lên-xuống: [354], [353*], [253*], [252], [252*] như thanh thô (lên-xuống) ; biến thể xuống-lên [213], [323], [324] như thanh chặt tạ va (xuống-lên). Biến thể thanh ngã của VK chịu ảnh

hường cả nhân tố bên trong lẫn nhân tố bên ngoài, tức là sự giảm đi của hiện tượng TTH trong thanh ngã ở VK I, VK III, VK IV có thể giải thích do cơ chế đơn giản hóa, còn sự giao thoa từ thanh thô, thanh tri, thanh chặt tạ va đã có tác động cả bốn thể hệ VK, riêng VK II không bị giao thoa từ thanh chặt tạ va. Có thể nói, biến thể gốc (xuống-lên-TTH) đang dần dần giảm đi trong khi ba biến thể mới: xuống-lên, lên-TTH, lên-xuống-TTH đang sử dụng đồng thời với biến thể gốc nhưng biến thể xuống-lên được coi là biến thể mới phổ biến nhất ở VK III và VK IV. Chính vì vậy, có thể dự đoán rằng trong tương lai biến thể gốc, riêng hiện tượng TTH của thanh ngã có xu hướng mất đi hoàn toàn và cuối cùng thanh ngã của VK sẽ biến đổi thành đặc trưng xuống-lên như thanh chặt tạ va.

6. Thanh nặng: VK I chỉ là một thể hệ duy nhất vẫn giữ được đặc trưng xuống- TTH [32*] như thanh nặng trong tiếng Việt gốc. Bên cạnh đó, còn có thêm năm biến thể mới: bằng phẳng [22] như thanh xá măn (trung bình-bằng phẳng); xuống: [21], [32] như thanh ệch (thấp-xuống); bằng phẳng-lên [334], [223], bằng phẳng-lên-TTH [335*], xuống-lên-TTH [214*]. Sự biến đổi thanh nặng của các thể hệ VK đã mất đi hiện tượng TTH từ VK II trở đi do cơ chế đơn giản hóa và đã thêm các biến thể mới do sự giao thoa từ thanh điệu tiếng Thái là thanh xá măn và thanh ệch. Riêng biến thể bằng phẳng-lên chỉ xuất hiện ở âm tiết kết thúc không bằng phụ âm TVT là biến thể có đặc điểm khác hẳn so với hệ thống thanh điệu tiếng Việt và tiếng Thái. Biến thể gốc thanh nặng (xuống-TTH) đã mất đi hoàn toàn từ VK II trở đi trong khi các biến thể mới: bằng phẳng, xuống, bằng phẳng-lên, bằng phẳng-lên-TTH đang được sử dụng phổ biến nhưng biến thể xuống và biến thể bằng phẳng là hai biến thể phổ biến nhất đối với cả bốn thể hệ. Chính vì vậy, có thể dự đoán rằng trong tương lai thanh nặng của VK có xu hướng

tách ra thành hai đặc trưng: 1) bằng phẳng như thanh xá măn; 2) xuống như thanh ệch.

Tóm lại là trong hệ thống thanh điệu tiếng Việt của các thể hệ VK, thanh ngang và thanh huyền là hai thanh không biến đổi trong khi thanh sắc, thanh hỏi, thanh ngã và thanh nặng có biến đổi rõ rệt. Sự tách ra và hòa nhập đặc trưng thanh điệu khiến cho số lượng thanh điệu tiếng Việt trong tương lai có thể tăng lên và giảm đi, tức là biến thể thanh sắc và thanh ngã cùng đặc điểm xuống-lên như thanh chặt tạ va trong tiếng Thái trong khi hai biến thể: xuống-lên, xuống của thanh hỏi có thể hòa nhập với biến thể xuống-lên của thanh sắc, thanh ngã hoặc biến thể xuống của thanh huyền, thanh nặng. Sự biến đổi thanh điệu tiếng Việt của các thể hệ VK khiến cho số lượng thanh điệu tiếng Việt có xu hướng chỉ còn lại ba đặc trưng chính: 1) bằng phẳng như thanh xá măn; 2) xuống như thanh ệch; 3) xuống-lên như thanh chặt tạ va. Ngoài sự giao thoa ngôn ngữ từ thanh điệu tiếng Thái nêu trên, một đặc điểm nổi bật của thanh điệu tiếng Việt là hiện tượng TTH sẽ mất đi hoàn toàn do cơ chế đơn giản hóa. Xét về các tiêu chí khác, thanh huyền có trường độ dài nhất trong khi thanh nặng có trường độ ngắn nhất. Còn về mặt âm vực, mỗi thanh điệu của các thể hệ VK chủ yếu thuộc âm vực thấp và âm vực trung bình nhưng chỉ có một số biến thể của thanh sắc và thanh ngã thuộc âm vực cao. Có thể nói, các thể hệ VK chỉ vẫn giữ được đặc trưng trường độ của thanh nặng nhưng về mặt âm vực thì không nhất quán với đặc trưng thanh điệu tiếng Việt gốc. Hiện nay các thể hệ VK ở tỉnh Nakhon Phanom đã chấp nhận và đang sử dụng biến thể thanh điệu tiếng Việt mới nói riêng và hình thức mới nói chung đồng thời với biến thể gốc một cách thông thường. Tuy nhiên, có bao nhiêu biến thể đi chăng nữa nhưng chúng vẫn không làm thay đổi về mặt ý nghĩa vì đó chính là bản chất của biến thể và biến đổi ngôn ngữ.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Bunchavalit Patthida (2019), “The Vietnamese Tones Variation in Closed Syllable of the Viet kieu in Nakhon Phanom Province, Thailand”, *Proceedings of Fifth International Conference on Linguistics and Language Studies (ICLLS 2019)*, School of Humanities and Languages of the Caritas Institute of Higher Education, Hong Kong, pp.6-13.
2. Bunchavalit Patthida (2019), “Contrastive Analysis in Phonetics Characteristics of Thai and Vietnamese Tones”, *Proceedings of the Conference on Asian Linguistics Anthropology (CALA 2019)*, the Pannasastra University of Combodia, Siem Reap, Cambodia, pp.224-251.